TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2018/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2018
V/v Ly hôn giữa chị N và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thơm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Minh Cảnh và bà Nguyễn Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 05/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Ý N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ1, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ý N trình bày:

Chị Ý N quen anh Đ do gia đình mai mối và được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2011 đến ngày 19/02/2013 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống vợ chồng

xảy ra nhiều mâu thuẫn do không có sự hòa hợp. Anh Đ hay có tính ghen tuông rồi vô cớ xúc phạm tới vợ, thường xuyên uống rượu về nhục mạ vợ, có khi đánh vợ và còn có quan hệ ngoại tình với người khác. Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày anh Đ rất chi li, tính toán với vợ con, không quan tâm tới tâm tư tình cảm của vợ làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Thương con chị Ý N đã ráng chịu đựng nhưng tính tình anh Đ không thay đổi. Nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc nên chị Ý N xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Ý N xác định vợ chồng có một con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/10/2012 hiện đang sống với chị Ý N. Chị Ý N có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị Ý N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị Ý N tiếp tục xin ly hôn với anh Đ; xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh chị lấy nhau có làm đám cưới và có đăng ký kết hôn thoe quy định của pháp luật. Vợ chồng xảy ra cự cãi trong cuộc sống sinh hoạt, khi bực bội vợ anh Đ có la mắng vợ. Sau này thấy chị Ý N đi sớm về khuya thì anh Đ làm thinh không quan tâm tới vợ. Anh Đ cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn mong muốn vợ quay về đoàn tụ và không đồng ý ly hôn với chị Ý N.

Về con chung: Anh Đ xác định vợ chồng có 01 con chung như lời trình bày của chị Ý N là đúng. Trường hợp Tòa án cho vợ chồng ly hôn anh Đ có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu chị Ý N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh Đ xác định không có và không có yêu cầu giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); giấy khai sinh cháu Nguyễn Quốc T (Bản sao); giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu (Bản công chứng). Bị đơn thống nhất với các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp gì thêm.

Kết quả xác minh từ chính quyền địa phương cho biết: Vợ chồng chị Ý N và anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ hay nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng cự cãi. Vợ chồng anh chị đã ly thân khoảng gần hai năm nay. Sau khi anh chị ly thân con ở với mẹ có cuộc sống sinh hoạt và học tập bình thường. Hiện nay cả hai anh chị đều đi làm có thu nhập.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng (Nguyên đơn) đảm bảo đúng theo quy định, đề nghị áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Ý N được ly hôn với anh Đ; đề nghị áp dụng Điều 81 Bộ luật tố tụng dân sự giao con chung cho chị Ý N trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của Ý Như không yêu cầu anh Động cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ý N xin ly hôn với anh Đ, các đương sự điều có nơi cư trú trên địa bàn huyện A, căn cứ vào Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành một số biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật tố tụng dân sự nên việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát là đúng với quy định tại Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đ được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật dân sự Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Ý N xin ly hôn với anh Đ và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Ý N, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ý N và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình tại Ủy ban nhân dân xã Đ nên hôn nhân giữa chị Ý N với anh Đ là hợp pháp.

Qua lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và kết quả xác minh từ địa phương có cơ sở để nhận định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng bởi cuộc sống vợ chồng không có sự hòa hợp, thường xảy ra cự cãi, bất đồng làm cho hôn nhân không có hạnh phúc. Vợ chồng đã tự ly thân với nhau trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, quá trình giải quyết tại Tòa án mặc dù được động viên hòa giải nhưng chị Ý N không muốn đoàn tụ gia đình do đó mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị Ý N, cho chị Ý N được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có một người con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/10/2012 hiện đang sống với chị Ý N, vợ chồng đều có nguyện vọng được nuôi con chung không yêu cầu người kia cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Xét khả năng, điều kiện và hoàn cảnh của vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của các đương sự và kết quả xác minh từ chính quyền địa phương được biết cả hai anh chị đều đi làm và có thu nhập và có khả năng nuôi con, tuy nhiên từ khi anh chị ly thân con chung sống với mẹ đã quen với sự chăm sóc của người mẹ và hiện tại cháu bé có cuộc sống ổn định, phát triển bình thường, nay nếu thay đổi môi trường sống và người chăm sóc con sẽ làm xáo trộn và ảnh hưởng tới tâm lý và sự phát triển của cháu bé. Do đó trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Tr cho chị Ý N nuôi là phù hợp với

điều kiện thực tế. Cần ghi nhận sự tự nguyện của chị Ý N về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự đều xác định không có và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở và căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Ý N chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001348 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

***Vì các lẽ trên*,**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia và đình năm 2014;

- Áp dụng vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ý N và anh Nguyễn Văn Đ.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 01/10/2012 chị Ý N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Ý N về việc không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con chung.

3/ Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ý N có nghĩa vụ nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số iền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001348 ngày 15/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Chị Nguyễn Thị Ý N đã nộp đủ án phí.

6/ Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 03/4/2018). Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đinh Thị Thơm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu, HS, VP.